TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 40/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 3 năm 2023,*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Ngân

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 188/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 40/2023/QĐ-TA ngày 28 tháng 02 năm 2023, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Trần Thị Thu H; sinh ngày 26/11/1982

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên họp).

1. Anh Thái Xuân C; sinh ngày 25/4/1982

Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan (vắng mặt tại phiên họp).

Người tham gia tố tụng khác: Anh Thái Xuân T; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai của chị Trần Thị Thu H; Bản trình bày ý kiến của anh Thái Xuân C và các tài liệu khác có tại hồ sơ, vụ việc có nội dung như sau:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 01 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng khi anh C đi lao động nước ngoài. Năm 2014 chị H đi lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng cắt đứt liên lạc. Hiện tại chị H đã về Việt Nam còn anh C vẫn làm việc tại Đài Loan. Xác định tình cảm không còn nên cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Họ và tên: Thái Thị Thùy N, sinh ngày 21/02/2006 và Thái Bảo N1, sinh ngày 23/02/2009. Các đương sự thống nhất giao con chung Thái Thị Thùy N cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Thái Bảo N1 cho anh Thái Xuân C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh C chưa về nước, chị H tiếp tục chăm sóc con chung thay anh C.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Con chung Thái Thị Thùy N có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Con chung Thái Bảo N1 có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác: Anh Thái Xuân T đồng ý giao, nhận các tài liệu chứng cứ của anh Thái Xuân C.

Tại phiên họp, chị Trần Thị Thu H vẫn giữ nguyên các nội dung yêu cầu; anh Thái Xuân C vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C. Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Thái Thị Thùy N cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Thái Bảo N1 cho anh Thái Xuân C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình. Anh Thái Xuân C đang cư trú tại nước ngoài. Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu chứng cứ của anh Thái Xuân C gửi về qua đường bưu điện đã được chứng thực của Văn phòng K tại Đ và trình bày bổ sung của anh Thái Xuân C qua hệ thống trực tuyến là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp anh Thái Xuân C vắng mặt, tuy nhiên đã yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng anh Thái Xuân C theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tuân thủ các điều kiện và đăng ký kết hôn vào 12 tháng 01 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh C là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C thấy rằng:

Theo trình bày của hai anh chị thì vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2009. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp. Sau khi mâu thuẫn thì anh C đi lao động nước ngoài nên vợ chồng không có cơ hội hàn gắn tình cảm. Hiện tại cuộc hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không sống chung. Anh C và chị H đều mong muốn được ly hôn, đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và về tài sản chung.

Như vậy, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ "*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình*" (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và "không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc", mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Thái Xuân C.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Thái Thị Thùy N, sinh ngày 21/02/2006 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Thái Bảo N1, sinh ngày 23/02/2009 cho anh Thái Xuân C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh C chưa về nước chị Trần Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Thái Bảo N1 thay anh C.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không ai phải thực hiện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị Thu H (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000315 ngày 14/10/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 10/3/2023.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *UBND nơi thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự ;*
- *Lưu HS, TDS.*

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Ngân